

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm (thang điểm 100).

- HSDT được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được chuyển sang đánh giá về mặt tài chính khi: Có tổng số điểm đánh giá $\geq 70\%$ tổng số điểm tối đa và điểm của từng tiêu chuẩn tổng quát (Tiêu chuẩn đánh giá I, II, III, IV, V, VI) phải $\geq 70\%$ số điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (Đối với tiêu chuẩn chi tiết cơ bản tại mục 2 và 3 của mục tiêu chuẩn tổng quát (Tiêu chuẩn đánh giá I) phải $\geq 70\%$ số điểm tối đa của tiêu chuẩn đó).

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
	Tổng số điểm	100	70		
I	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	44	30,8		
1	Hiểu biết về gói thầu, tổng mặt bằng công trường và biện pháp thi công tổng thể gói thầu	10			
1.1	Hiểu biết về dự án và gói thầu, bao gồm: - Thông tin cơ bản, quy mô, đặc điểm của gói thầu; - Hiện trạng công trình: Phân tích, đánh giá vị trí công trình, mặt bằng công trình; giao thông, các điều kiện tự nhiên khu vực của dự án; - Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình thi công xây dựng.	2		- Không hiểu biết về gói thầu	0
				- Có hiểu biết nhưng sơ sài, thiếu	0,8
				- Hiểu biết đầy đủ, tương đối chi tiết	1,4
				- Hiểu biết đầy đủ, chi tiết	2
1.2	*/ Có thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường	4		- Không trình bày hoặc trình bày	0

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
	gồm: - Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, cấp điện, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. - Vị trí đặt Ban chỉ huy công trường: Nhà thầu phải có thuyết minh vị trí Ban chỉ huy công trường rõ ràng, cụ thể, hợp lý và khả thi. - Trường hợp nhà thầu liên danh, phải có phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các thành viên trong quản lý, điều hành thi công, trong giải quyết khi bất kỳ một thành viên không còn năng lực để tiếp tục thi công, khi công trình có tồn tại về chất lượng, tiến độ.			không đúng	
				- Có trình bày các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	1,6
				- Có trình bày đủ các nội dung, tương đối chi tiết	2,8
				- Trình bày đầy đủ và chi tiết	4
1.3	Giải pháp thi công tổng thể cho công trình. - Nhà thầu trình bày tuần tự thi công các hạng mục chính và các công việc chính thuộc hạng mục của gói thầu theo trình tự trước sau, làm cơ sở lập các biện pháp thi công chi tiết các công việc của từng hạng mục chính và lập tiến độ thi công công trình.	4		- Không trình bày hoặc trình bày không đúng	0
				- Có trình bày các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	1,6
				- Có trình bày đủ các nội dung, tương đối chi tiết	2,8
				- Trình bày đầy đủ và chi tiết	4
2	Biện pháp thi công chi tiết các hạng mục công trình (gồm thuyết minh và bản vẽ)	24	16,8		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
2.1	Kênh đồ tại chỗ 2x2m	10		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu	4
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	7
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	10
2.2	- Kè đá học - Hố ga thăm B2000 - Cọc mốc chỉ giới bảo vệ kênh	8		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu	3,2
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	5,6
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	8
2.3	- Trung chuyển vật liệu - Đảm bảo an toàn giao thông	6		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu	2,4
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	4,2
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	6
3	Khả năng cung cấp vật tư, vật liệu để thi công công trình	10	7		
3.1	- Kê khai rõ về nguồn gốc các loại vật tư, vật liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng của từng loại vật liệu chính gồm: Đất đắp, cát các loại, đá các loại, xi măng các loại, thép các loại, cọc tre ... phù hợp với yêu cầu thiết kế.	5		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu	2,0

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
	- Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu tại công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công. - Có phương án tập kết vật tư tại công trường phục vụ các tình huống cấp bách.			- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	3,5
				- Có nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung và đáp ứng yêu cầu	5
3.3	Có hợp đồng nguyên tắc của đơn vị cung cấp kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh về vật tư, vật liệu các vật liệu chính ở trên theo đúng đề xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định cụ thể cho gói thầu này.	5		- Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu	0
				- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu	5
II	Tiến độ thi công	10	7		
1	Thời gian hoàn thành công trình không quá 360 ngày, có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công (Tiến độ thi công phải chi tiết các công việc, hạng mục công việc chủ yếu). Tính hợp lý về tiến độ hoàn thành giữa các hạng mục liên quan, phù hợp với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công. Biểu đồ thể hiện trình tự thi công các hạng mục công việc hợp lý đồng thời chi tiết trình tự thi công các công tác chính có trong hạng mục.	4		- Thời gian hoàn thành công trình lớn hơn 360 ngày	0
				- Thời gian hoàn thành công trình 360 ngày, nhưng chưa hợp lý và phù hợp	1,6
				- Thời gian hoàn thành công trình $\leq$ 360 ngày, tương đối hợp lý và phù hợp giữa các hạng mục liên quan, với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	2,8
				- Thời gian hoàn thành công trình $\leq$ 360 ngày, hợp lý và phù hợp giữa các	4

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
				hạng mục liên quan, với phương án kỹ thuật, công nghệ và năng lực thiết bị thi công	
2	- Lập biểu đồ huy động công nhân, thiết bị phù hợp với tiến độ thi công và biện pháp thi công. - Có cam kết huy động đủ số lượng công nhân phù hợp với tiến độ và biện pháp thi công đã đề xuất trong quá trình triển khai thi công.	4		- Không có biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị và cam kết theo yêu cầu	0
				- Có biểu đồ huy động nhân lực và thiết bị nhưng chưa phù hợp với tiến độ thi công, có cam kết theo yêu cầu	1,6
				- Có biểu đồ huy động nhân lực và thiết bị tương đối phù hợp với tiến độ thi công, có cam kết theo yêu cầu	2,8
				- Có biểu đồ huy động nhân lực và thiết bị phù hợp với tiến độ thi công, có cam kết theo yêu cầu	4
3	Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công: Đề xuất biện pháp tăng cường thiết bị, nhân lực khi tiến độ thi công bị chậm trễ, đảm bảo hoàn thành công trình theo tiến độ	2		- Không đề xuất	0
				- Có đề xuất nhưng sơ sài, không hợp lý	0,8
				- Có đề xuất tương đối đầy đủ, hợp lý	1,4
				- Có đề xuất đầy đủ, hợp lý	2
III	Cách thức quản lý dự án và quản lý hiện trường	6	4,2		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
1	- Tổ chức quản lý dự án: Nhà thầu trình bày sơ đồ (mô hình) tổ chức quản lý dự án trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với dự án; - Có quy trình quản lý dự án bao gồm: Quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn, môi trường, rủi ro.	3		- Không trình bày hoặc trình bày không đúng	0
				- Có trình bày các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	1,2
				- Có trình bày đủ các nội dung, tương đối chi tiết	2,1
				- Trình bày đầy đủ và chi tiết	3
2	- Tổ chức quản lý hiện trường gồm: Nhà thầu trình bày sơ đồ (mô hình) tổ chức quản lý hiện trường và cách thức giải pháp quản lý chất lượng ngoài hiện trường trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân; - Có quy trình kiểm soát nhân lực, máy móc, vật tư và an toàn lao động.	3		- Không trình bày hoặc trình bày không đúng	0
				- Có trình bày các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	1,2
				- Có trình bày đủ các nội dung, tương đối chi tiết	2,1
				- Trình bày đầy đủ và chi tiết	3
IV	Các biện pháp bảo đảm chất lượng	22	15,4		
1	- Nhà thầu trình bày mô hình sơ đồ kiểm soát chất lượng trong đó nêu rõ trách nhiệm của từng cá nhân có trong sơ đồ; - Lập trình tự quản lý thi công xây dựng công trình.	5		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	2
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	3,5
				- Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung	5

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
2	- Biện pháp kiểm soát, đảm bảo chất lượng: Vật tư, vật liệu - Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão	6		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	2,4
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	4,2
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	6
3	- Lập kế hoạch tổ chức thí nghiệm, phương pháp thí nghiệm các loại vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng để thi công công trình; - Lập kế hoạch tổ chức thí nghiệm, phương pháp thí nghiệm các loại sản phẩm, được thi công trong quá trình thi công xây dựng công trình;	6		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	2,4
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	4,2
				- Nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung	6
4	Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu; công tác tổ chức nghiệm thu và bàn giao công trình; lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định; lập bản vẽ hoàn công	5		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	2
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	3,5
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	5
V	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động	12	8,4		
1	Vệ sinh môi trường: Có các biện pháp cụ thể nhằm hạn chế hoặc triệt để tác động xấu đến môi trường xung quanh và	4		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài,	1,6

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
	đảm bảo các yếu tố khác trong quá trình thi công. a. Tiếng ồn, bụi và khói, kiểm soát nước thải, rác thải, vệ sinh; b. Đảm bảo trật tự, trị an trong quá trình xây dựng; c. Hoàn trả mặt bằng, các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi thi công xong. d. Nhà thầu có phương án chi tiết về bãi tập kết đồ thải đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công. e. Biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình thi công.			thiếu	
				- Có nêu đầy đủ các nội dung và tương đối chi tiết	2,8
				- Có nêu đầy đủ các nội dung và chi tiết	4
2	Phòng chống cháy nổ: Có giải pháp cụ thể trong quá trình thi công	2		- Không nêu hoặc nêu không đúng	0
				- Có nêu nhưng sơ sài, thiếu	0,8
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	1,4
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	2
3	An toàn lao động: - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho máy móc, thiết bị, các công tác thi công; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung	6		- Không nêu hoặc nêu không đúng theo yêu cầu	0
				- Có nêu các nội dung nhưng sơ sài, thiếu	2,4
				- Có nêu đầy đủ, tương đối chi tiết	4,2
				- Có nêu đầy đủ chi tiết	6

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
	quanh; - Lập kế hoạch tổng hợp về an toàn theo yêu cầu tại Chương V.				
VI	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì	3	2,1		
1	- Có giải pháp bảo hành công trình hợp lý, cụ thể sau khi đưa vào sử dụng đảm bảo chất lượng và quy định. - Có cam kết bảo hành công trình ≥ 12 tháng kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.	3		- Không có giải pháp và không có cam kết	0
				- Có giải pháp nhưng chưa cụ thể, sơ sài và có cam kết bảo hành	1,2
				- Có giải pháp tương đối đầy đủ, chi tiết và có cam kết bảo hành đáp ứng yêu cầu	2,1
				- Có giải pháp hợp lý, cụ thể và có cam kết bảo hành đáp ứng yêu cầu	3
VII	Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu (Có cam kết của nhà thầu)	3			
1	Nhà thầu có cam kết từ ngày 01/01/2022 đến nay không bị kết luận vi phạm Uy tín thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính Phủ.	3		Nhà thầu có cam kết không bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.	3
				- Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy	2,1

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
	(Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu này)			định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. - Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.	
				Nhà thầu không có đầy đủ cam kết hoặc cam kết không đúng sự thật hoặc nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số	0

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu	Nhận xét	Điểm đánh giá
				214/2025/NĐ -CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên nhưng không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.	

Ghi chú:

- Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn các tài liệu bản gốc để đối chiếu, xác minh tính xác thực của các tài liệu nộp trong E-HSĐT, trong quá trình đánh giá E-HSĐT nếu được Chủ đầu tư yêu cầu.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: Nhà thầu không được phép đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.